

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG CHĂN NUÔI

Điểm tin thị trường Heo hơi ngày 12/8/2021 13:03 12/08

A. THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- Dịch Covid-19 tái bùng phát với biến chủng mới lây lan tại nhiều khu vực miền Bắc và miền Trung khiến việc vận chuyển heo gặp nhiều khó khăn, một vài khu vực chi phí vận chuyển đã tăng thêm tới 50% do bao gồm thêm các công tác xét nghiệm và phòng dịch, do vậy thương lái các vùng có xu hướng giảm đóng heo vận chuyển đường dài mà chỉ gom heo tiêu thụ nội vùng khiến nguồn cung heo nhiều khu vực bị tồn lại nhiều, kéo giá bình quân cả nước giảm nhẹ xuống 15,5 tệ/kg, tương đương gần 55.000 đồng/kg. Trong khi đó, tại các tỉnh miền Nam, thời tiết mát mẻ hơn khiến nhu cầu tiêu thụ tốt hơn đáng kể, hỗ trợ mặt bằng giá nhích nhẹ lên quanh 17-17,3 tệ/kg, tương đương 60-61.000 đồng/kg.
- Tại sàn giao dịch Đại Liên, giá heo hơi các kỳ hạn tiếp tục giảm thêm trước sức ép về nguồn cung, dao động quanh 17-18 tệ/kg, tương đương 60-64.000 đồng/kg.

B. THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Giá heo hơi

- **Tại miền Bắc Việt Nam**, nhu cầu tiêu thụ toàn thị trường tiếp tục chậm trước ảnh hưởng của dịch Covid 19 và nguồn cung heo giá rẻ từ miền Nam đưa ra. Theo đó, mặt bằng giá heo toàn miền Bắc hôm nay tuy vẫn giữ quanh 55-57.000 đồng/kg nhưng mức 55-56.000 đồng/kg phổ biến hơn, mức giá trên 56.000 đồng/kg khó bán.
- **Tại các tỉnh miền núi phía Bắc (Sơn La, Yên Bái)**, giá heo thậm chí chỉ còn giao dịch quanh 51-52.000 đồng/kg do quãng đường vận chuyển xa, qua nhiều chốt kiểm dịch nên thương lái ngại đóng.
- **Lưu chuyển heo Bắc-Trung-Nam**: Do heo biểu to của miền Nam tăng, với giá chào dao động từ 46-48.000 đồng/kg với heo biểu to và 49-50.000 đồng/kg với heo biểu vừa, thấp hơn đáng kể so với giá heo công ty/heo dân miền Bắc nên thương lái có xu hướng đóng hàng trở lại. Riêng tại khu vực Nam miền Trung, giá heo biểu to các công ty lớn giữ quanh 50-51.000 đồng/kg nên khu vực này khó bán ra Bắc, trừ khi giá giảm về dưới 50.000 đồng/kg.
- **Tại Đồng Nai**, giao dịch heo có xu hướng trôi hơn, chủ yếu do tâm lý mua thịt heo vào tích trữ trong bối cảnh số ca nhiễm Covid 19 tại tỉnh tăng mạnh, giữ giá heo giao dịch quanh mức 53-55.000 đồng/kg với heo trong chuẩn. Trong khi đó **tại miền Tây**, giá heo dân có xu hướng giảm thêm, còn dưới 52.000 đồng/kg, lượng heo biểu to tăng nên nhu cầu gom heo từ miền Đông về miền Tây chậm lại.
- Trong ngắn hạn, khi số ca nhiễm Covid 19 vẫn quanh mức 8.000-9.000 ca/ngày như hiện nay, việc giãn cách xã hội tại nhiều tỉnh thành miền Nam có thể còn tiếp tục cho tới giữa tháng 9 thì áp lực tồn kho heo với khu vực này vẫn rất lớn.

Giao dịch tại chợ đầu mối, lò mổ

- Tại chợ Ngọc Lũ, hôm nay lượng heo về chợ đạt 1.500-1.600 con, trong đó có tới 70% là heo từ miền Nam đưa ra (khu vực Nha Trang đổ vào). Chợ bán tốt hơn hôm qua do lượng heo dân nuôi gột quanh chợ bán ra đã vãn, với giá heo đầu 59-60.000 đồng/kg, phổ biến 55.000 đồng/kg, hàng chân dễ bán hơn.

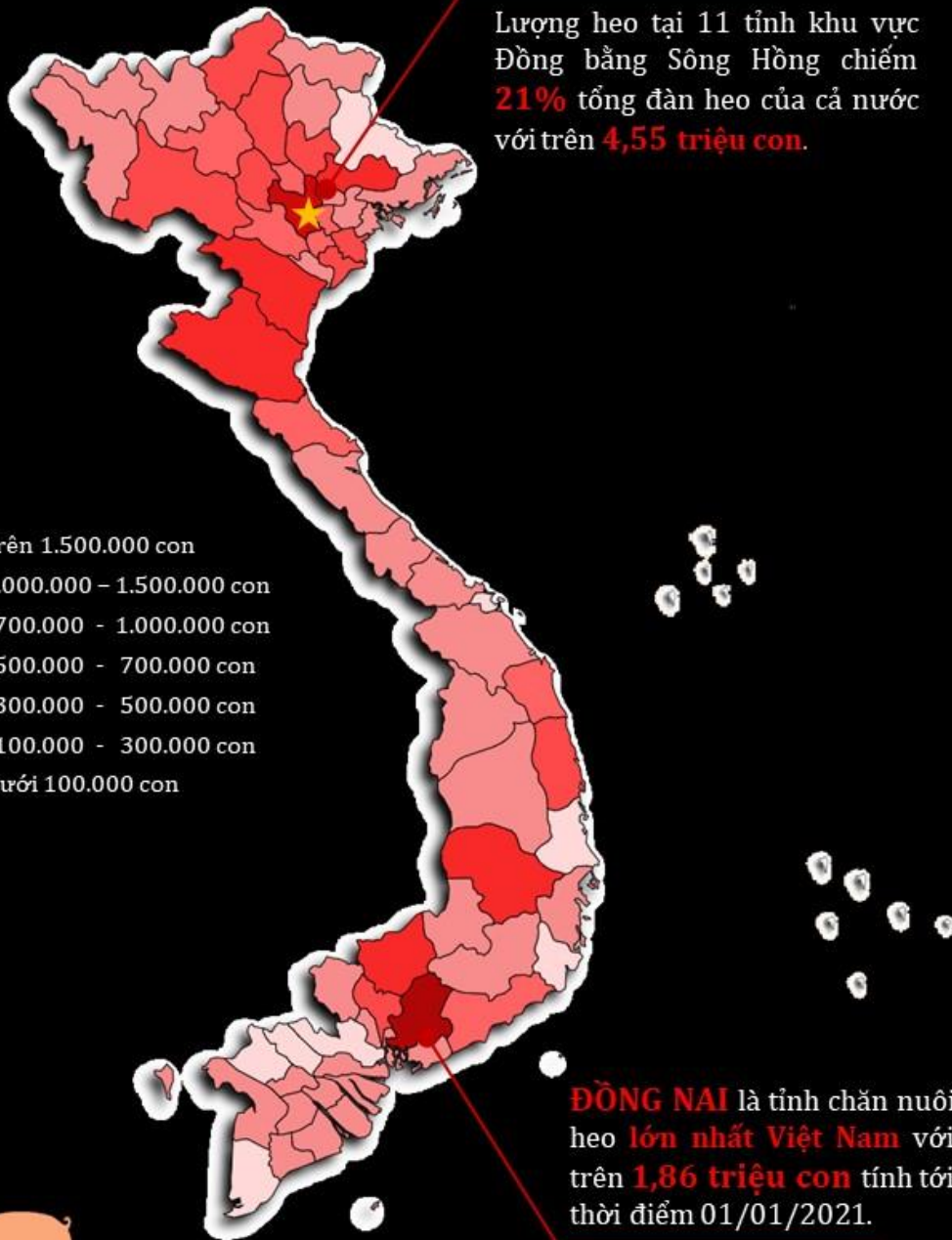
Lược đồ mật độ phân bố đàn heo Việt Nam tính tới thời điểm 01/01/2021 16:26 24/06

LƯỢC ĐỒ MẬT ĐỘ PHÂN BỐ ĐÀN HEO VIỆT NAM NĂM 2020

ĐB SÔNG HỒNG

Lượng heo tại 11 tỉnh khu vực Đồng bằng Sông Hồng chiếm **21%** tổng đàn heo của cả nước với trên **4,55 triệu con**.

- Trên 1.500.000 con
- 1.000.000 - 1.500.000 con
- 700.000 - 1.000.000 con
- 500.000 - 700.000 con
- 300.000 - 500.000 con
- 100.000 - 300.000 con
- Dưới 100.000 con



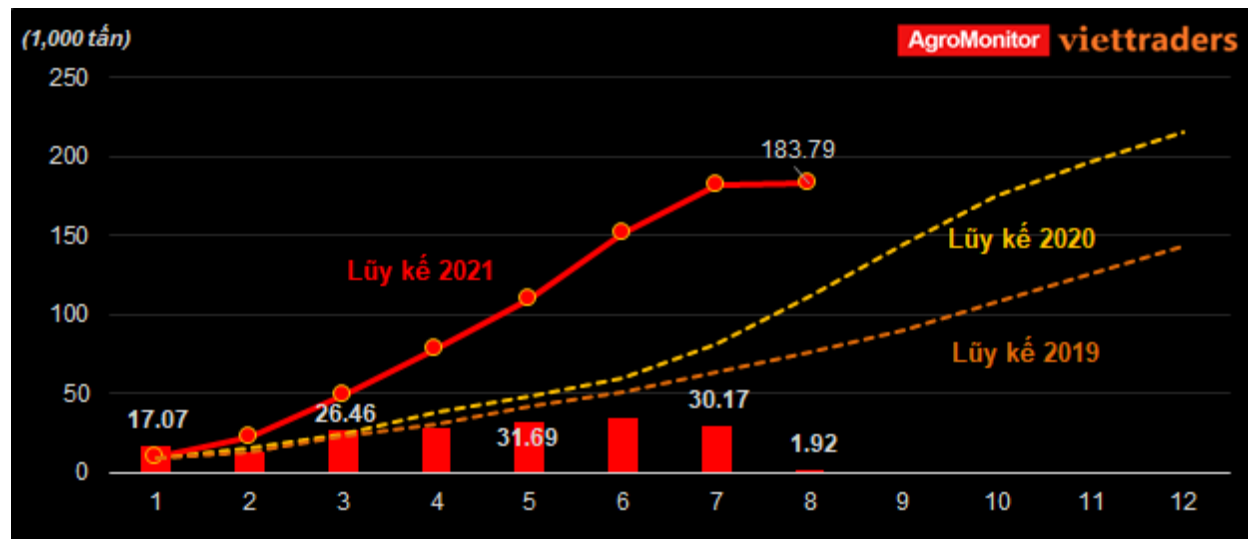
ĐỒNG NAI là tỉnh chăn nuôi heo **lớn nhất Việt Nam** với trên **1,86 triệu con** tính tới thời điểm 01/01/2021.



Lượng thịt và phụ phẩm từ Heo nhập khẩu về Việt Nam tính đến ngày 3/8/2021 (nghìn tấn)
13:13 07/08

Diễn biến lượng thịt và phụ phẩm từ heo nhập khẩu về Việt Nam tính đến ngày 03/08/2021

[\(xem chi tiết tại đây\)](#)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng giá Heo hơi và heo con ngày 12/8/2021 09:41 12/08

Bảng 1. Bảng giá heo hơi tại thị trường nội địa (VND/kg)

	Khu vực	12/08/2021	11/08/2021	Tuần trước
Heo công ty	Đồng Nai	51,500-56,500	51,500-56,500	51,500-56,500
	Miền Trung	52,000-56,000	52,000-56,000	53,000-57,000
	Miền Bắc	53,000-58,000	53,000-58,000	56,000-59,000
	Miền Tây	57,000	57,000	57,000
Heo dân	<i>Miền Bắc</i>			
	Thái Bình	54,000-57,000	54,000-57,000	55,000-59,000
	Bắc Giang	55,000-57,000	55,000-57,000	54,000-57,000
	Hà Nội	55,000-57,000	55,000-57,000	55,000-57,000
	<i>Miền Trung</i>			
	Nghệ An	53,000-55,000	53,000-55,000	53,000-55,000
	Bình Định	49,000-53,000	49,000-53,000	50,000-54,000
	Đắk Lắk	52,000-55,000	52,000-55,000	52,000-55,000
	<i>Miền Nam</i>			
	Đồng Nai	47,000-54,000	47,000-54,000	50,000-54,000
	Tiền Giang	49,000-52,000	50,000-52,000	52,000-55,000
	Bến Tre	48,000-51,000	49,000-52,000	51,000-55,000

Bảng 2. Bảng giá heo giống tại thị trường nội địa

Khu vực	Loại heo	12/08/2021	11/08/2021
	Heo CP – loại 20kg (VND/kg)	115.000-125.000	115.000-125.000

Miền Nam	Heo CP – loại xách tại 6-7 kg	1.700.000-1.800.000	1.700.000-1.800.000
	Heo dân – loại xách tại 7-9 kg	1.500.000-1.800.000	1.500.000-1.800.000
Miền Bắc	Heo CP – loại 20kg (VND/kg)	130.000	130.000
	Heo dân – loại xách tại 6-7 kg	1.400.000-1.700.000	1.400.000-1.700.000
	Heo công ty - loại xách tại 6-7 kg	1.750.000-1.800.000	1.750.000-1.800.000

(Ghi chú: Heo CP – loại 20kg đvt là VND/kg, các loại còn lại là VND/con)

Bảng giá thị trường Gia cầm ngày 12/8/2021 10:21 12/08

Gà trắng

Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)

	Khu vực	12/08/2021	11/08/2021	Tuần trước
Gà công ty	Miền Bắc	24.000-25.000	23.000-25.000	17.000-21.500
	Miền Nam	13.000	13.000	5.000-10.000
Gà trong dân	<i>Miền Bắc</i>			
	Thái Nguyên	23.000-25.500	23.000-25.000	17.000-20.500
	Vĩnh Phúc	24.000-26.000	24.000-26.000	18.000-21.500
	Hà Nội	24.000-26.000	24.000-26.000	18.000-21.500
	<i>Miền Nam</i>			
	Bình Dương	9.000-10.000	9.000-10.000	5.000-9.000
	Bình Phước	13.000-14.000	13.000-14.000	5.000-9.000

Gà màu

Bảng 2. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)

Khu vực	12/08/2021	11/08/2021	Tuần trước
Gà ta lai CP – miền Bắc	38.000-40.000	38.000-40.000	40.000-42.000
Gà ta lai CP – miền Nam	25.000-26.000	25.000-26.000	26.000-30.000
Gà màu Dabaco – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	48.000-50.000	48.000-50.000	48.000-50.000
Gà màu Dabaco – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	39.000-40.000	39.000-40.000	39.000-40.000
Gà Minh Dur – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	48.000-50.000	48.000-50.000	50.000-55.000
Gà Minh Dur – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	40.000-42.000	40.000-42.000	40.000-42.000

Vịt thịt

Bảng 3. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)

Vùng/miền	12/08/2021	11/08/2021	Tuần trước
Miền Bắc – Vịt Super	33.000-34.000	30.000-33.000	30.000-34.000
Miền Nam – Vịt Grimaud	29.000-35.000	29.000-35.000	20.000-29.000

Bảng giá thị trường Chăn nuôi thế giới ngày 12/8/2021 09:06 12/08

Nhu cầu tiêu thụ được cải thiện trong dịp Tết trung thu hỗ trợ giá heo Trung Quốc giữ ổn định quanh 15,6 t€/kg

Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		VND/kg
				1 ngày	1 năm	
Trung Quốc	Giao ngay	CNY/kg	15,50	▼0,10	▼21,85	54.600
	(DCE) T9/2021	CNY/kg	16,99	▼0,22	-	59.800
	(DCE) T11/2021	CNY/kg	17,10	▼0,07	-	60.200
	(DCE) T1/2022	CNY/kg	18,18	▼0,18	-	64.000
	(DCE) T3/2022	CNY/kg	17,15	▲0,01	-	60.400
Thái Lan	Giao ngay	Baht/kg	69,63	—0,00	▼10,38	48.400
Mỹ	Giao ngay	Uscent/pound	76,50	—0,00	▲44,65	38.600
	(CME) T10/2021	Uscent/pound	85,85	▲1,97	▲32,72	43.300
	(CME) T12/2021	Uscent/pound	78,90	▲1,38	▲25,77	39.800
	(CME) T2/2022	Uscent/pound	81,53	▲0,23	▲28,40	41.200
Canada	Giao ngay	Penny/kg	257,51	—0,00	-	48.000
Brazil	Giao ngay	USD/kg	1,30	▼0,01	▲0,04	29.800

Ghi chú: Giá heo nạc Mỹ giao dịch kỳ hạn tại sàn CME áp dụng đối với heo biểu 77-87 kg/con có độ nạc 50-51%.

Giá hợp đồng trâu/bò hơi và trâu/bò vỗ béo các kỳ hạn đều quay đầu giảm lại do các nhà đầu cơ giao dịch cầm chừng để chờ thêm những diễn biến tiếp theo của thị trường.

Bảng 2. Bảng giá giao dịch bò hơi tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		VND/kg
				1 ngày	1 năm	
Úc	Bò thiến già	Aucent/kg	431,60	▲12,40	▲65,10	73.400
	Bò cái trung	Aucent/kg	314,10	▼1,40	▲35,35	53.400

	Bò thiến nuôi	Aucent/kg	503,10	▲5,40	▲112,85	85.500
Mỹ	Bò thiến	Uscent/pound	124,71	▲0,11	-	63.000
	Bò cái tơ	Uscent/pound	125,00	—0,00	-	63.100
	(CME) T10/2021	Uscent/pound	127,58	▼0,45	▲22,93	64.400
	(CME) T12/2021	Uscent/pound	133,18	▼0,22	▲28,53	67.200
	(CME) T2/2022	Uscent/pound	137,43	▼0,13	▲32,78	69.400
Brazil	Giao ngay	USD/aroba	60,95	▲0,07	▲18,91	93.100
	(BMFG) T9/2021	BRL/aroba	319,95	▼0,10	▲96,90	95.300
	(BMFG) T10/2021	BRL/aroba	323,75	▲0,15	▲100,65	96.000

Thị trường Gia súc thế giới ngày 12/8/2021
09:10 12/08/2021

TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC THẾ GIỚI NGÀY 12/08/2021

<p>Thị trường Heo</p>	<p>▶ <u>Tại Trung Quốc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá heo bình quân tăng nhẹ lên 15,50 tệ/kg (▼0,10) - Giá heo tỉnh Quảng Tây tăng thêm lên 17,00 tệ/kg (▲0,38) - Giá heo DCE kỳ hạn tháng 9/2021 giảm thêm xuống 16,99 tệ/kg (▼0,22) <p>▶ <u>Tại Mỹ</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá heo nạc CME kỳ hạn tháng 10/2021 quay đầu tăng lên 85,85 cent/pound (▲1,97) <p>▶ <u>Tại Brazil</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá giao ngay giảm nhẹ xuống 1,30 USD/kg (▼0,01) - Trong tháng 7/2021, xuất khẩu thịt heo Brazil giảm trên 5% so với tháng trước với gần 92,8 nghìn tấn.
<p>Thị trường Trâu/Bò</p>	<p>▶ <u>Tại Úc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá bò thiến nuôi nổi dài đà tăng lên 503,10 tệ/kg (▲5,40) <p>▶ <u>Tại Mỹ</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trâu/bò thiến giao ngay nhích thêm lên 124,71 cent/pound (▲0,11) <p>▶ <u>Tại Brazil</u></p>

- Giá trâu/bò **giao ngay** tăng lên 60,95 USD/arroba (**▲0,07**)
- Sang quý 3/2021, Trung Quốc tiếp tục đẩy mạnh thu mua thịt trâu/bò từ Brazil, theo đó **lượng thịt trâu/bò rời cảng Brazil tới Trung Quốc tăng thêm 9%** trong tháng 7/2021

A. THỊ TRƯỜNG HEO

▶ Tại Trung Quốc

- Dịch Covid-19 tái bùng phát với biến chủng mới lây lan tại nhiều khu vực miền Bắc và miền Trung khiến việc vận chuyển heo gặp nhiều khó khăn, một vài khu vực chi phí vận chuyển đã tăng thêm tới 50% do bao gồm thêm các công tác xét nghiệm và phòng dịch, do vậy thương lái các vùng có xu hướng giảm đóng heo vận chuyển đường dài mà chỉ gom heo tiêu thụ nội vùng khiến nguồn cung heo nhiều khu vực bị tồn lại nhiều, kéo giá bình quân cả nước giảm nhẹ xuống 15,5 tệ/kg, tương đương gần 55.000 đồng/kg. Trong khi đó, tại các tỉnh miền Nam, thời tiết mát mẻ hơn khiến nhu cầu tiêu thụ tốt hơn đáng kể, hỗ trợ mặt bằng giá nhích nhẹ lên quanh 17-17,3 tệ/kg, tương đương 60-61.000 đồng/kg.

- Tại sàn giao dịch Đại Liên, giá heo hơi các kỳ hạn tiếp tục giảm thêm trước sức ép về nguồn cung, dao động quanh 17-18 tệ/kg, tương đương 60-64.000 đồng/kg.

▶ Tại Mỹ

- Tại sàn Chicago, giá heo nạc các kỳ hạn chốt phiên 11/08 hồi phục trên dưới 2% nhờ sự ổn định của giá thịt heo trên thị trường cộng với kỳ vọng tăng tốt tại kênh xuất khẩu trong báo cáo xuất khẩu hàng tuần của Bộ NN Mỹ sẽ công bố vào hôm nay. Với heo nạc kỳ hạn tháng 10/2021, giá hợp đồng hiện ở mức 85,85 cent/pound, tương đương trên 43.000 đồng/kg, tăng tới 2,4% so với phiên trước.

DIỄN BIẾN GIÁ

Nhu cầu tiêu thụ được cải thiện trong dịp Tết trung thu hỗ trợ giá heo Trung Quốc giữ ổn định quanh 15,6 tệ/kg

Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		Quy đổi VND/kg
				1 ngày	1 năm	
Trung Quốc	Giao ngay	CNY/kg	15,50	▼0,10	▼21,85	54.600
	(DCE) Kỳ hạn T9/2021	CNY/kg	16,99	▼0,22	-	59.800
	(DCE) Kỳ hạn T11/2021	CNY/kg	17,10	▼0,07	-	60.200
	(DCE) Kỳ hạn T1/2022	CNY/kg	18,18	▼0,18	-	64.000

	(DCE) Kỳ hạn T3/2022	CNY/kg	17,15	▲0,01	-	60.400
Thái Lan	Giao ngay	Baht/kg	69,63	—0,00	▼10,38	48.400
Mỹ	Giao ngay	Uscent/pound	76,50	—0,00	▲44,65	38.600
	(CME) Kỳ hạn T10/2021	Uscent/pound	85,85	▲1,97	▲32,72	43.300
	(CME) Kỳ hạn T12/2021	Uscent/pound	78,90	▲1,38	▲25,77	39.800
	(CME) Kỳ hạn T2/2022	Uscent/pound	81,53	▲0,23	▲28,40	41.200
Canada	Giao ngay	Penny/kg	257,51	—0,00	-	48.000
Brazil	Giao ngay	USD/kg	1,30	▼0,01	▲0,04	29.800

Ghi chú: Giá heo nạc Mỹ giao dịch kỳ hạn tại sàn CME áp dụng đối với heo biểu 77-87 kg/con có độ nạc 50-51%.

Bảng 2. Bảng giá giao dịch heo con tại các nước

Nước	Loại heo	Đơn vị	Giá	Biến động giá			Quy đổi VND/kg, VND/con
				1 ngày	1 tuần	1 năm	
Trung Quốc	-	CNY/kg	28,89	▼0,01	▼2,91	▼71,75	101.700
Thái Lan	CP – 6kg	Baht/con	1.700	—0,00	▼100	▼800	1.188.000
	CP – 16kg	Baht/con	2.000 (+/- 68)	—0,00	▼100	▼900	1.328.000
	Trại dân – 12kg	Baht/con	1.900	—0,00	▼100	▼800	1.398.000
Mỹ	Cai sữa – Dưới 6kg	USD/con	44,21	—0,00	▲0,78	-	1.019.000
	18kg	USD/con	63,90	—0,00	▲2,00	-	1.473.000
EU	-	EUR/con	39,30	▼1,10	▼1,10	▼0,96	1.077.000

Bảng 3. Bảng giá thân thịt heo (Loại S, E và R) và giá heo con khu vực EU tuần 31 năm 2021

EU - Tuần 31	Đơn vị tính	Giá	Biến động giá (%)			Quy đổi VND/kg, VND/con
			1 tuần	1 tháng	1 năm	
Thân thịt loại S	EUR/100kg thân thịt	154,3	▼1,6	▼7,4	▼1,1	42.300
Thân thịt loại E	EUR/100kg thân thịt	148,6	▼1,0	▼5,0	▼1,4	40.700

Thân thịt loại R	EUR/100kg thân thịt	167,9	▼10,1	▼8,5	▲8,6	46.000
Heo con	EUR/con	39,3	▼2,3	▼14,2	▼2,6	1.077.000

(Ghi chú: Thân thịt loại S có độ nạc >60%; Thân thịt loại E có độ nạc từ 55-60%; Thân thịt loại R có độ nạc từ 45-50%)

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Dịch bệnh – Thiên tai

Vào ngày 08/08, Hàn Quốc xác nhận dịch tả châu Phi đã bùng phát trở lại tại nước này sau gần 3 tháng không ghi nhận trường hợp nhiễm bệnh nào.

Bảng 4. Thống kê dịch tả heo châu Phi (ASF) trên thế giới trong năm 2021

Ngày	Thông tin về ổ dịch mới nhất	Số trường hợp ghi nhận			Số quốc gia
		Heo nuôi	Heo rừng	Tổng	
02/08/2021	- Cộng hòa Dominica cho biết dịch tả châu Phi tiếp tục lan rộng và đã xuất hiện tại 11/32 tỉnh thành tại nước này.	1007	3333	4340	19
08/08/2021	- Sau 3 tháng, Hàn Quốc đã ghi nhận dịch tả châu Phi bùng phát trở lại tại một trang trại gồm 2.400 con heo.	1008	3333	4341	19

Sản xuất – Tiêu thụ

► *Tại Mỹ*

Trong 3 ngày đầu tuần, lượng heo Mỹ đưa vào giết mổ đạt trên 1,4 triệu con, tăng mạnh so với cùng kỳ tuần trước.

Bảng 5. Lượng heo đưa vào giết mổ trong ngày tại Mỹ (ĐVT: nghìn con)

Ngày	Dự báo	Thực tế giết mổ trong ngày	Lũy kế tuần		
			Tuần này	Tuần trước	Cùng kỳ năm trước
09/08/2021	456	456	456	408	458
10/08/2021	478	472	928*	877	914
11/08/2021	474	-	1.402	1.349	1.394

Ghi chú: * số liệu điều chỉnh

Thương mại

► **Tại Thái Lan**

Trong tuần đầu của tháng 8, theo số liệu cập nhật từ hiệp hội Chăn nuôi Thái Lan, trung bình mỗi ngày có từ 1.300-1.500 con heo được gom đi xuất khẩu, chủ yếu xuất khẩu sang Campuchia.

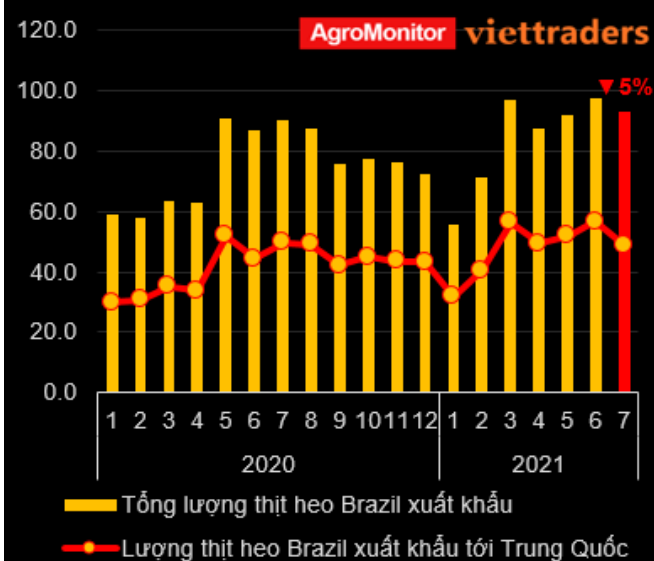
Bảng 6. Tiến độ xuất khẩu heo sống của Thái Lan (con/ngày)

Thị trường xuất khẩu	Tuần kết thúc ngày 31/07	Tuần kết thúc ngày 07/08	Thay đổi
Campuchia	500-1.000	1.000-1.200	▲ 500
Lào	-	-	-
Trung Quốc	-	300	▲ 300
Myanmar	-	-	-
Việt Nam	-	-	-

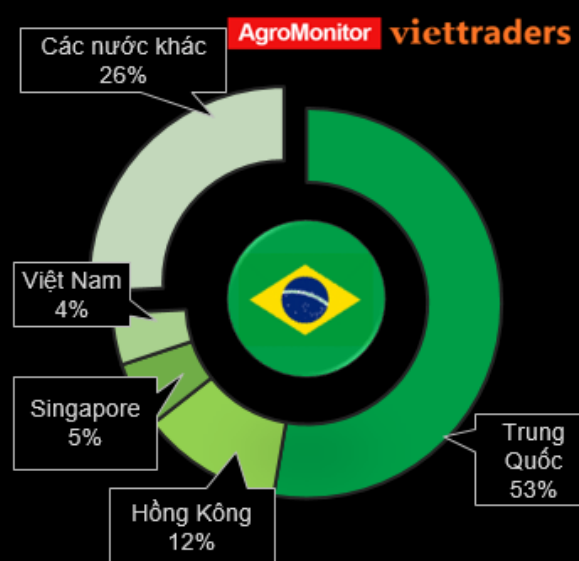
► **Tại Brazil**

Trong tháng 7/2021, xuất khẩu thịt heo Brazil giảm trên 5% so với tháng trước với gần 92,8 nghìn tấn, nâng tổng lượng thịt heo Brazil xuất khẩu sang các thị trường trong 7 tháng đầu năm 2021 đạt gần 594 nghìn tấn, tăng 16% so với lũy kế cùng kỳ năm 2020. Trong tháng, Trung Quốc tiếp tục là điểm đến chính của thịt heo Brazil với gần 49 nghìn tấn thịt, chiếm gần 53% tổng thị phần.

Hình 1. Lượng thịt heo Brazil xuất khẩu từ T1/2020 – T7/2021 (nghìn tấn)



Hình 2. Thị phần xuất khẩu thịt heo của Brazil sang một số nước châu Á trong tháng 7/2021



Nguồn: Comex Stat

B. THỊ TRƯỜNG TRÂU/BÒ

► Tại Mỹ

- Tại kênh giao dịch trực tiếp, lượng trâu/bò hơi được bán ra trong 2 ngày đầu tuần vẫn rất chậm do nguồn cung ứng trên thị trường có phần khan hơn, đẩy giá bò thiến bán ra trong ngày 10/08 nhích nhẹ thêm.

- Tại sàn Chicago, giá trâu/bò hơi và trâu/bò vỗ béo các kỳ hạn đều quay đầu giảm nhẹ trong phiên 11/08 do thị trường giao dịch cầm chừng để chờ thêm những diễn biến mới tại kênh giao dịch trực tiếp cùng 2 báo cáo quan trọng của bộ NN Mỹ vào hôm nay: báo cáo doanh số xuất khẩu hàng tuần và báo cáo cung/cầu hàng tháng.

DIỄN BIẾN GIÁ

Giá hợp đồng trâu/bò hơi và trâu/bò vỗ béo các kỳ hạn đều quay đầu giảm lại do các nhà đầu cơ giao dịch cầm chừng để chờ thêm những diễn biến tiếp theo của thị trường.

Bảng 7. Bảng giá giao dịch bò hơi tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		Quy đổi VND/kg
				1 ngày	1 năm	
Úc	Bò thiến già	Aucent/kg	431,60	▲12,40	▲65,10	73.400
	Bò cái trung	Aucent/kg	314,10	▼1,40	▲35,35	53.400
	Bò thiến nuôi	Aucent/kg	503,10	▲5,40	▲112,85	85.500
Mỹ	Bò thiến	Uscent/pound	124,71	▲0,11	-	63.000
	Bò cái tơ	Uscent/pound	125,00	—0,00	-	63.100
	(CME) Kỳ hạn T10/2021	Uscent/pound	127,58	▼0,45	▲22,93	64.400
	(CME) Kỳ hạn T12/2021	Uscent/pound	133,18	▼0,22	▲28,53	67.200
	(CME) Kỳ hạn T2/2022	Uscent/pound	137,43	▼0,13	▲32,78	69.400
Brazil	Giao ngay	USD/arroba	60,95	▲0,07	▲18,91	93.100
	(BMFG) Kỳ hạn T9/2021	BRL/arroba	319,95	▼0,10	▲96,90	95.300
	(BMFG) Kỳ hạn T10/2021	BRL/arroba	323,75	▲0,15	▲100,65	96.000

Bảng 8. Bảng giá bò vỗ béo tại sàn giao dịch CME (Mỹ)

Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		Quy đổi VND/kg
			1 ngày	1 năm	
(CME) Kỳ hạn T9/2021	Uscent/pound	162,83	▼0,23	▲18,33	82.200
(CME) Kỳ hạn T10/2021	Uscent/pound	165,30	▼0,55	▲20,80	83.500
(CME) Kỳ hạn T11/2021	Uscent/pound	166,73	▼0,55	▲22,23	84.200

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Sản xuất

► *Tại Mỹ*

Lượng trâu/bò đưa vào giết mổ tại Mỹ trong 3 ngày đầu tuần này nhích nhẹ so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên giảm tới 9 nghìn con so với tuần trước.

Bảng 9. Lượng trâu/bò đưa vào giết mổ trong ngày tại Mỹ (ĐVT: nghìn con)

Ngày	Dự báo	Thực tế giết mổ trong ngày			Lũy kế tuần	Lượng bê giết mổ
		Bò thiến và bò cái tơ	Bò giống và bò cái	Tổng		
09/08/2021	119	89	24	113	113*	2
10/08/2021	120	91	26	117	230*	1
11/08/2021	120	-	-	-	350	1

Ghi chú: * số liệu điều chỉnh

Thương mại

► *Tại Brazil*

Sang quý 3/2021, Trung Quốc tiếp tục đẩy mạnh thu mua thịt trâu/bò từ Brazil, theo đó lượng thịt trâu/bò rời cảng Brazil tới Trung Quốc tăng thêm 9% trong tháng 7/2021, đưa tổng lượng thịt trâu/bò Brazil xuất khẩu sang các thị trường trong tháng tăng mạnh với trên 166 nghìn tấn.

Bảng 10. Lượng thịt trâu/bò Brazil xuất khẩu sang Trung Quốc trong năm 2021 (nghìn tấn)

Tháng	Xuất khẩu của Brazil			Xuất khẩu sang Trung Quốc			
	Lượng	Biến động 1 tháng	Biến động 1 năm	Lượng	Biến động 1 tháng	Biến động 1 năm	Thị phần
1	107,3	▼35,2	▼9,6	61,9	▼26,7	▲8,8	57,7%
2	102,1	▼5,2	▼8,5	56,4	▼5,5	▲18,8	55,2%
3	133,8	▲31,7	▲7,9	68,8	▲12,4	▲17,0	51,4%
4	125,5	▼8,3	▲9,2	62,5	▼6,4	▲1,7	49,8%
5	126,8	▲1,3	▼28,2	67,3	▲4,8	▼16,5	10,4%
6	140,3	▲13,6	▼11,6	82,0	▲14,7	▲5,0	58,4%
7	166,3	▲26,0	▼3,0	91,1	▲9,2	▲4,1	54,8%

C. THÔNG TIN KINH TẾ KHÁC

Bảng 11. Tham khảo giá một số loại nguyên liệu TACN đầu vào

Loại giá	Đơn vị tính	Giá	Thay đổi	Diễn biến chính
<u>Ngô</u>				
CBOT - Mỹ	Uscent/bushel	556,20	▲7,00	Giá ngô CBOT kỳ hạn tháng 12/2021 tăng hơn 1% so với phiên hôm trước chủ yếu là nhờ lực mua kỹ thuật được thúc đẩy bởi kỳ vọng năng suất/sản lượng ngô Mỹ sẽ được cắt giảm trong báo cáo cung cầu tháng 8 phát hành hôm nay của USDA.
DCE - Trung Quốc	CNY/tấn	2580	▲3	
<u>Lúa mì</u>				
CBOT - Mỹ	Uscent/bushel	727,00	—0,00	Giá lúa mì kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn CBOT quay đầu giảm trở lại trong phiên giao dịch châu Á/châu Âu và có lúc đã xuống gần mức 720 Uscent/giạ trong bối cảnh nhiều nhà nhập khẩu hủy bỏ các phiên đấu thầu quốc tế khi giá chào quá cao.
FOB - Canada 13,5%	USD/tấn	356,25	▼0,50	
<u>Khô đậu tương</u>				
CBOT - Mỹ	USD/tấn ngắn	353,90	▼3,60	Kết phiên giao dịch, giá khô đậu tương CBOT kỳ hạn tháng 12/2021 giảm khoảng 0,8% so với phiên trước đó.
DCE - Trung Quốc	CNY/tấn	3620	▼8	

Bảng 12. Tỷ giá một số đồng tiền chính ngày 12/08/2021

Mã ngoại tệ/ Quốc gia	So với USD			So với VND		
	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)
AUD (Úc)	AUD/USD	0,737	▲0,38	AUD/VND*	17.001	▼0,30
BRL (Brazil)	BRL/USD	0,192	▼0,57	-	-	-
CAD (Canada)	CAD/USD	0,800	▲0,16	CAD/VND*	18.495	▼0,10
CNY (Trung Quốc)	CNY/USD	0,154	▲0,06	CNY/VND	3.521	▼0,24
EUR (Châu Âu)	EUR/USD	1,174	▲0,24	EUR/VND*	27.402	▼0,58
THB (Thái Lan)	THB/USD	0,030	▲1,00	THB/VND*	696	▼0,29
USD (Mỹ)	-	-	-	USD/VND*	22.900	▼0,43

CÁC DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG GIA CÀM THẾ GIỚI

Thị trường Gia cầm	<p>▶ Tại Trung Quốc</p> <p>- Nhu cầu tiêu thụ ở các chợ đầu mối rất chậm khiến giá gà trắng quay đầu giảm lại, xuống còn quanh mức 8,4 tệ/kg</p>
---------------------------	---

- Giá vịt thịt tạm thời chưa có điều chỉnh mới, chững lại quanh mức 9,0 tệ/kg

DIỄN BIẾN GIÁ

► Tại Trung Quốc

- Mặc dù nguồn cung gà chưa có nhiều lại tuy nhiên giá heo ở mức thấp đã kìm hãm sức tiêu thụ gà thịt, nhu cầu tiêu thụ ở các chợ đầu mối rất chậm khiến giá gà quay đầu giảm lại, xuống còn quanh mức 8,4 tệ/kg, tương đương hơn 29.500 đồng/kg.

- Nguồn cung gà trắng giống ra thị trường có chiều hướng hụt nhẹ khiến giá con giống ngưng giảm và đảo chiều tăng trở lại, lên quanh mức 2,19 tệ/con, tương đương trên 8.000 đồng/con.

- Do nhu cầu tiêu thụ của người dân giảm nhẹ cùng với nhu cầu thu mua trứng của các công ty thực phẩm lớn cũng đang sụt giảm khiến giá trứng điều chỉnh giảm lại, xuống còn quanh mức 10,34 tệ/kg, tương đương gần 36.500 đồng/kg.

- Giá vịt thịt tạm thời chưa có điều chỉnh mới, chững lại quanh mức 9,0 tệ/kg, tương đương hơn 31.500 đồng/kg. Giá vịt giống tiếp đã tăng tốt lên mức 1,64 tệ/con, tương đương trên 5.500 đồng/con do nguồn cung con giống chưa thực dồi dào trở lại.

Bảng 1. Bảng giá giao dịch gà, vịt tại các nước ngày 11/08/2021

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	So với hôm trước	So với cùng kì năm trước	VND/kg, VND/con
Trung Quốc	Gà trắng thịt	CNY/kg	8,40	▼0,10	-	29.640
	Gà trắng giống	CNY/con	2,19	▲0,14	-	8.220
	Vịt thịt	CNY/kg	9,00	—0,00	-	31.760
	Vịt giống	CNY/con	1,64	▲0,23	-	5.790
Thái Lan	Gà sống tại trại	Baht/kg	31,0	—0,00	-	21.640
	Gà nửa con	Baht/kg	82,5	—0,00	-	57.590
	Gà giống (CP)	Baht/con	17,0	—0,00	-	11.870
Brazil	Thịt gà đông lạnh	USD/kg	1,55	▲0,01	▲0,60	35.700
	Thịt gà làm mát	USD/kg	1,60	▲0,03	▲0,68	36.850

Bảng 2. Bảng giá giao dịch trứng tại các nước ngày 11/08/2021

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	So với hôm trước	So với cùng kì năm trước	VND/kg, VND/1 quả trứng
	Trứng gà	CNY/kg	10,34	▼0,02	-	36.490

Trung Quốc	(DCE) Kì hạn T9/2021	CNY/500kg	4.476	▼79	▲738	31.590
	(DCE) Kì hạn T10/2021	CNY/500kg	4.290	▼22	▲670	30.280
	(DCE) Kì hạn T11/2021	CNY/500kg	4.347	▼19	▲654	30.680
Thái Lan	Trứng gà tươi	Baht/100 quả trứng	300,0	—0,00	▲10	2.090
	Trứng số 3	Baht/100 quả trứng	326,0	—0,00	▲36	2.280
	Trứng số 4	Baht/100 quả trứng	310,0	—0,00	▲37	2.160
Campuchia	Trứng gà CP	Riel/quả	450	—0,00	-	2.520

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

- Theo số liệu cập nhật mới nhất, sản lượng trứng gia cầm tại Trung Quốc đạt khoảng 33.09 triệu tấn với năng lực sản xuất tăng đều- tăng 5,78% so với cùng kì năm ngoái-tương đương mức tăng 1,807 triệu tấn. Trong đó, 6 tỉnh bao gồm Sơn Đông, Hà Nam, Hà Bắc, Liêu Ninh, Giang Tô và Hồ Bắc là những tỉnh có sản lượng trứng đứng đầu cả nước. Về phía cầu, tổng nhu cầu tiêu thụ cả nước đạt gần 15 triệu tấn, tăng 10,98% so với cùng kì năm ngoái- tương đương với mức tăng 1,486 triệu tấn. Năm tỉnh Sơn Đông, Hà Nam, Hà Bắc, Quảng Đông và Giang Tô là các tỉnh đứng đầu cả nước về nhu cầu tiêu thụ.

Thị trường Gia súc nội địa ngày 12/8/2021

13:42 12/08/2021

TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC NGÀY 12/08/2021

▶ Miền Bắc

55-57.000 đồng/kg

Giá heo hơi nội địa		Nhu cầu tiêu thụ toàn thị trường tiếp tục chậm trước ảnh hưởng của dịch Covid 19 và nguồn cung heo giá rẻ từ miền Nam đưa ra.
	▶ <u>Miền Trung</u>	Heo công ty: 52-56.000 đồng/kg Heo dân: 49-55.000 đồng/kg
	▶ <u>Miền Nam</u>	Đồng Nai: 53-55.000 đồng/kg với heo trong chuẩn Miền Tây: < 52.000 đồng/kg Trong ngắn hạn, khi số ca nhiễm Covid 19 vẫn quanh mức 8.000-9.000 ca/ngày như hiện nay, việc giãn cách xã hội tại nhiều tỉnh thành miền Nam có thể còn tiếp tục cho tới giữa tháng 9 thì áp lực tồn kho heo với khu vực này vẫn rất lớn.
Giao dịch tại chợ đầu mối/lò mổ	▶ <u>Chợ Ngọc Lũ</u>	- Lượng heo về chợ: 1.500-1.600 con (▲~100 con), trong đó có tới 70% là heo từ miền Nam đưa ra. - Giá bán: giá hàng đầu 59-60.000 đồng/kg (▲1000 đồng/kg)
	▶ <u>Lò mổ khu vực Hà Nội</u>	- Lò Vạn Phúc: Heo mảnh: 71-72.000 đồng/kg Phụ phẩm: 30.000 đồng/kg
Giao dịch thương mại	Theo số liệu sơ bộ, lượng thịt heo (mã hs 0203) nhập về trong 10 ngày đầu tháng 8 đạt gần 5 nghìn tấn – giảm rất nhẹ, khoảng 2% so với cùng kỳ tháng trước nhưng cũng chỉ nhỉnh hơn so với cùng năm 2020 khoảng 3.2%.	

A. THỊ TRƯỜNG HEO

Giá cả và giao dịch heo hơi nội địa

- **Tại miền Bắc Việt Nam**, nhu cầu tiêu thụ toàn thị trường tiếp tục chậm trước ảnh hưởng của dịch Covid 19 và nguồn cung heo giá rẻ từ miền Nam đưa ra. Theo đó, mặt bằng giá heo toàn miền Bắc hôm nay tuy vẫn giữ quanh 55-57.000 đồng/kg nhưng mức 55-56.000 đồng/kg phổ biến hơn, mức giá trên 56.000 đồng/kg khó bán.
- **Tại các tỉnh miền núi phía Bắc (Sơn La, Yên Bái)**, giá heo thậm chí chỉ còn giao dịch quanh 51-52.000 đồng/kg do quãng đường vận chuyển xa, qua nhiều chốt kiểm dịch nên thương lái ngại đóng.
- **Lưu chuyển heo Bắc-Trung-Nam**: Do heo biểu to của miền Nam tăng, với giá chào dao động từ 46-48.000 đồng/kg với heo biểu to và 49-50.000 đồng/kg với heo biểu vừa, thấp hơn đáng kể so với giá heo công ty/heo dân miền Bắc nên thương lái có xu hướng đóng hàng trở lại. Riêng tại khu vực Nam miền Trung, giá heo biểu to các công ty lớn giữ quanh 50-51.000 đồng/kg nên khu vực này khó bán ra Bắc, trừ khi giá giảm về dưới 50.000 đồng/kg.

- **Tại Đồng Nai**, giao dịch heo có xu hướng trôi hơn, chủ yếu do tâm lý mua thịt heo vào tích trữ trong bối cảnh số ca nhiễm Covid 19 tại tỉnh tăng mạnh, giữ giá heo giao dịch quanh mức 53-55.000 đồng/kg với heo trong chuồng. Trong khi đó **tại miền Tây**, giá heo dân có xu hướng giảm thêm, còn dưới 52.000 đồng/kg, lượng heo biểu to tăng nên nhu cầu gom heo từ miền Đông về miền Tây chậm lại.

- Trong ngắn hạn, khi số ca nhiễm Covid 19 vẫn quanh mức 8.000-9.000 ca/ngày như hiện nay, việc giãn cách xã hội tại nhiều tỉnh thành miền Nam có thể còn tiếp tục cho tới giữa tháng 9 thì áp lực tồn kho heo với khu vực này vẫn rất lớn.

Bảng 1. Bảng giá heo hơi tại thị trường nội địa (VND/kg)

	Khu vực	12/08/2021	11/08/2021	Tuần trước
Heo công ty	Đồng Nai	51,500-56,500	51,500-56,500	51,500-56,500
	Miền Trung	52,000-56,000	52,000-56,000	53,000-57,000
	Miền Bắc	53,000-58,000	53,000-58,000	56,000-59,000
	Miền Tây	57,000	57,000	57,000
Heo dân	<i>Miền Bắc</i>			
	Thái Bình	54,000-57,000	54,000-57,000	55,000-59,000
	Bắc Giang	55,000-57,000	55,000-57,000	54,000-57,000
	Hà Nội	55,000-57,000	55,000-57,000	55,000-57,000
	<i>Miền Trung</i>			
	Nghệ An	53,000-55,000	53,000-55,000	53,000-55,000
	Bình Định	49,000-53,000	49,000-53,000	50,000-54,000
	Đắk Lắk	52,000-55,000	52,000-55,000	52,000-55,000
	<i>Miền Nam</i>			
	Đồng Nai	47,000-54,000	47,000-54,000	50,000-54,000
	Tiền Giang	49,000-52,000	50,000-52,000	52,000-55,000
	Bến Tre	48,000-51,000	49,000-52,000	51,000-55,000

Bảng 2. Bảng giá heo giống tại thị trường nội địa

Khu vực	Loại heo	12/08/2021	11/08/2021
Miền Nam	Heo CP – loại 20kg (VND/kg)	115.000-125.000	115.000-125.000
	Heo CP – loại xách tai 6-7 kg	1.700.000-1.800.000	1.700.000-1.800.000
	Heo dân – loại xách tai 7-9 kg	1.500.000-1.800.000	1.500.000-1.800.000
Miền Bắc	Heo CP – loại 20kg (VND/kg)	130.000	130.000
	Heo dân – loại xách tai 6-7 kg	1.400.000-1.700.000	1.400.000-1.700.000
	Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg	1.750.000-1.800.000	1.750.000-1.800.000

(Ghi chú: Heo CP – loại 20kg đvt là VND/kg, các loại còn lại là VND/con)

Bảng 3. Theo dõi tình hình dịch bệnh trên heo tại các vùng

Khu vực	Xu hướng dịch bệnh
----------------	---------------------------

Miền Bắc	- Dịch tả châu Phi giai đoạn này có chiều hướng êm hơn, nhưng một số vùng vẫn có trại bị Tai xanh. Bệnh phù đầu xuất hiện thời gian trước nhưng giờ cũng đã tạm êm, không xuất hiện thêm.
Miền Trung	- Khu vực Bắc miền Trung: Dịch tả heo châu Phi đã êm hơn - Khu vực Nam miền Trung: Ở một số vùng, dịch tả heo châu Phi vẫn lai rai nỏ. Mới đây nhất, khu vực Tây Nguyên cũng phát hiện một số ổ dịch tả heo châu Phi. Tình hình dịch bệnh tại khu vực này có thể sẽ có nhiều hơn do đã vào mùa mưa.
Miền Nam	- Dịch tả heo châu Phi vẫn có lai rai tại một số khu vực ở cả miền Đông và miền Tây. Cùng với đó, tại miền Tây, bệnh Tai xanh cũng nhiều trại bị.

Giao dịch tại các chợ đầu mối/lò mổ

- Tại chợ Ngọc Lũ, hôm nay lượng heo về chợ đạt 1.500-1.600 con, trong đó có tới 70% là heo từ miền Nam đưa ra (khu vực Nha Trang đổ vào). Chợ bán tốt hơn hôm qua do lượng heo dân nuôi gột quanh chợ bán ra đã vãn, với giá heo đầu 59-60.000 đồng/kg, phổ biến 55.000 đồng/kg, hàng chân dễ bán hơn.

Bảng 4. Giá heo mảnh và phụ phẩm từ heo của các công ty/lò mổ (đồng/kg)

Phân loại		Khu vực	12/08/2021	11/08/2021
Heo mảnh	Công ty	CP - miền Bắc	70,500	70,500
		CP - miền Nam	69,500	69,500
		CJ - miền Nam	68,500	68,500
		Emivest - miền Nam	69,000	69,000
	Lò mổ	Vạn Phúc – Hà Nội	71,000-72,000	71,000-72,000
Phụ phẩm	Lò mổ	Vạn Phúc – Hà Nội	30.000	30.000
		Lộc An - TPHCM	23,000	23,000

Giao dịch thương mại

- Theo số liệu sơ bộ, trong tuần từ 04/08-10/08, lượng thịt heo (mã hs 0203) nhập về Việt Nam đạt hơn 3.9 nghìn tấn, nâng tổng lượng thịt heo nhập về trong 10 ngày đầu tháng 8 lên gần 5 nghìn tấn – giảm nhất nhẹ so với tháng trước và cũng chỉ nhỉnh hơn so với cùng năm 2020 khoảng 3.2%. Lũy kế từ đầu năm nay đến ngày 10/08, lượng thịt heo nhập về Việt Nam đạt gần 105.2 nghìn tấn, cao gấp 2.1 lần so với lũy kế cùng kỳ năm 2020.

B. THỊ TRƯỜNG BÒ

Bảng 5. Giá bò hơi và bò tuốt tại thị trường miền Bắc (đồng/kg)

Chủng loại	12/08/2021	11/08/2021
Bò cái già	75.000-78.000	75.000-78.000
Bò cái tơ	82.000-83.000	82.000-83.000
Bò thiến – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	88.000-91.000	88.000-91.000
Bò thiến – loại nuôi vỗ béo	83.000-86.000	83.000-86.000
Bò cừ – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	92.000-94.000	92.000-94.000
Bò nội – bò 3B	95.000-100.000	95.000-100.000

Bò tuột – khu vực Hải Bối (Đông Anh) – bò Úc	210.000	210.000
Bò tuột – công ty bán ra – bò Úc	212.000	212.000
Bò tuột – bò ta	222.000	222.000

Bảng 6. Giá bò hơi và bò tuột tại thị trường miền Nam (đồng/kg)

Chủng loại	12/08/2021	11/08/2021
Bò thiến – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	87.000	87.000
Bò thiến – loại nuôi vỗ béo	85.000	85.000
Bò càn – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng, tùy cân nặng	90.000-92.000	90.000-92.000
Bò tuột Úc – chợ Phạm Văn Hai (TPHCM)	198.000-200.000	198.000-200.000

CÁC DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG GIA CÀM NGÀY 12/08/2021

Thị trường Gia cầm	<ul style="list-style-type: none"> - Tại miền Bắc, giá gà trắng tại công ty tiếp tục tăng 1.000 đồng/kg, lên 24-25.000 đồng/kg. Trong khi đó, giá gà tại thị trường tự do chững lại mức 24-26.000 đồng/kg do lực tiêu thụ gà chậm hơn. - Tại miền Nam, với gà trắng quá trọng lượng giá bán ra ổn định 9-10.000 đồng/kg, với gà đẹp biểu trên dưới 3 kg/con giá bán được 13-14.000 đồng/kg. - Với vịt thịt, giá vịt tại một số khu vực ngoài Bắc nhích tăng nhẹ nhờ nguồn cung trong dân khan hơn, mặt bằng giá được 33-34.000 đồng/kg. Trong khi đó, dù tiêu thụ tại miền Nam rất yếu nhưng do cung vịt giảm mạnh giữ giá ổn định ở mức 29-35.000 đồng/kg. - Lượng gà màu về chợ Hà Vỹ giảm mạnh còn 4.000 con vào hôm nay do tiêu thụ gà rất trầm. Trong đó, giá gà Dabaco đổ về chợ giảm còn 48-50.000 đồng/kg, giá bán ra được 52-55.000 đồng/kg.
---------------------------	---

Gà trắng

- Tại miền Bắc, giá gà trắng các công ty tiếp tục tăng 1.000 đồng/kg vào sáng nay, nâng mặt bằng chung lên mức 24-25.000 đồng/kg với biểu 3.2-3.4 kg/con. Mặc dù nguồn cung gà trong dân vẫn chưa hồi phục nhưng giá gà trắng tại miền Bắc được nhận định khó tăng mạnh tiếp do nguồn cung từ các công ty vẫn dồi dào, trong khi giá heo đang giao dịch ở mức thấp khiến nhu cầu tiêu thụ thịt gà chậm hơn.

- Tại Hà Nội, giá gà trong dân bán ra dao động từ 24-25.000 đồng/kg áp dụng cho biểu 3.2-3.5 kg/con, với gà to 3.7-3.8 kg/con trại có thể bán được đầu giá 26.000 đồng/kg.

- Tại miền Nam, giá gà trắng ổn định quanh mức 9-10.000 đồng/kg với gà quá trọng lượng, gà đẹp biểu trên dưới 3 kg/con vẫn bán được ở ngưỡng 13-14.000 đồng/kg, tiêu thụ gà chưa thực khởi sắc khiến giá gà bị chững lại.

- Lưu chuyển gà trong Nam ra Bắc ước tính đạt khoảng 10.000 con/ngày, chênh lệch giá gà giữa 2 miền ở mức hấp dẫn nhưng do các lái ngoài Bắc tìm gà biểu to trong Nam khó hơn khiến lượng gà gom ra Bắc giảm lại.

Theo dõi tình hình dịch bệnh trên gia cầm tại Bắc-Nam

Khu vực	Dịch bệnh	Xu hướng dịch bệnh
Miền Bắc	- CGC A/H5N8 thể độc lực cao	- Từ đầu tháng 6 đến nay đã phát hiện CGC A/H5N8 tại 5 tỉnh: Hòa Bình, Cao Bằng, Quảng Ninh, Hà Tĩnh, TP.Hà Nội. - Ngoài ra, chương trình giám sát của tỉnh Thanh Hóa tại các chợ buôn gia cầm sống từ 12-16/7/2021 đã phát hiện 3/15 mẫu dương tính với CGC H5N8.
	- Dịch H9 trên gà trắng	- Khu vực Chương Mỹ, Đông Anh vẫn lác đác có trại dính dịch nhưng gà bị chết đầu con ít
	- Dịch ecoli bại huyết trên vịt thịt	- Thời tiết khô ráo hơn giúp dịch bệnh tại khu vực Thường Tín, Đông Anh êm hơn.
Miền Nam	- Cúm gia cầm H5N8, dịch H9	- CGC H5N8 hiện chưa xuất hiện trong miền Nam. - Các trại gà, vịt trong Nam được phun xịt thuốc khử trùng và tiêm vacxin đầy đủ, gà, vịt ít bị dính bệnh.

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)

	Khu vực	12/08/2021	11/08/2021	Tuần trước
Gà công ty	Miền Bắc	24.000-25.000	23.000-25.000	17.000-21.500
	Miền Nam	13.000	13.000	5.000-10.000
Gà trong dân	<i>Miền Bắc</i>			
	Thái Nguyên	23.000-25.500	23.000-25.000	17.000-20.500
	Vĩnh Phúc	24.000-26.000	24.000-26.000	18.000-21.500
	Hà Nội	24.000-26.000	24.000-26.000	18.000-21.500
	<i>Miền Nam</i>			
	Bình Dương	9.000-10.000	9.000-10.000	5.000-9.000
	Bình Phước	13.000-14.000	13.000-14.000	5.000-9.000

Ước tính lượng gà trắng đi Cam và gà lưu chuyển hai miền Bắc Nam (con/ngày)

Ngày	Gà đi Cam	Gà đi Bắc
6/8	20,000	15,000
9/8	20,000	15,000
10/8	15,000	10,000
11/8	15,000	10,000
12/8	15,000	10,000

Bảng 2. Bảng giá gà trắng giống DOC (đồng/con)

Vùng/miền	Loại con giống	12/08/2021	11/08/2021
	Bán ngoài	7.000-8.000	7.000-8.000

DOC- miền Bắc	Ăn cám công ty	7.000	7.000
DOC-miền Nam	Bán ngoài	5.000-6.000	5.000-6.000
	Ăn cám công ty	5.000	5.000
Nam bán ra Bắc	Ăn cám công ty	7.000	7.000

Bảng 3. Bảng giá trứng gà tại thị trường nội địa (đồng/quả)

Khu vực	Loại trứng	12/08/2021	11/08/2021
Miền Bắc (trứng gà CP)	Mix03(>=21.3kg)	2800	2800
	Mix04(>=20.3kg)	2700	2700
	Mix05(>=19.3kg)	2600	2600
Miền Nam (trứng gà Vĩnh Thành Đạt)	Loại 23.5kg	2200	2300
	Loại 22.5kg	2100	2200
	Loại 21.5kg	2000	2100
	Loại 20.5kg	1950	2050
	Loại 19.5kg	1900	2000

Gà màu

- Tại Hà Nội đang triển khai giải tỏa các chợ tạm, chợ cóc khiến tiêu thụ gà màu tại một số quận, huyện yếu hơn khiến giá gà ta lai trong dân giảm mạnh còn 32-35.000 đồng/kg. Trong khi đó, giá gà ta lai CP đang có chiều hướng đi ngang quanh mức 38-40.000 đồng/kg.

- Chênh lệch giá gà ta lai giữa 2 miền Nam – Bắc vẫn ở mức tốt khiến gà trong Nam được gom đều ra Bắc tiêu thụ với khoảng 20.000 con/ngày.

Bảng 4. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)

Khu vực	12/08/2021	11/08/2021	Tuần trước
Gà ta lai CP – miền Bắc	38.000-40.000	38.000-40.000	40.000-42.000
Gà ta lai CP – miền Nam	25.000-26.000	25.000-26.000	26.000-30.000
Gà màu Dabaco – miền Bắc – gà nuôi trên 4 tháng	48.000-50.000	48.000-50.000	48.000-50.000
Gà màu Dabaco – miền Nam- gà nuôi trên 4 tháng	39.000-40.000	39.000-40.000	39.000-40.000
Gà Minh Dư – miền Bắc – gà nuôi trên 4 tháng	48.000-50.000	48.000-50.000	50.000-55.000
Gà Minh Dư – miền Nam – gà nuôi trên 4 tháng	40.000-42.000	40.000-42.000	40.000-42.000

Bảng 5. Bảng giá gà màu giống DOC miền Bắc (đồng/con)

Vùng/miền	12/08/2021	11/08/2021
-----------	------------	------------

DOC- Dabaco, Hòa Phát	8.000	8.000
DOC-Minh Dư	8.000-10.000	8.000-10.000
DOC- Lai chọi Lai Vượng	8.000	8.000
DOC- Tiến Đạt	10.000	10.000
DOC- Lai mía	10.000	10.000
DOC- Lai Hồ	10.000-11.000	10.000-11.000

Bảng 6. Bảng giá gà màu giống DOC miền Nam (đồng/con)

Vùng/miền	12/08/2021	11/08/2021
DOC- Gà thả vườn Bến Tre	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC-Minh Dư	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC- Gà ta lai	5.000-7.000	5.000-7.000

Vịt thịt

- Tại Thường Tín, giá vịt super linh xình tăng lại mức 33.000 đồng/kg do nguồn cung vịt trong dân đang khan dần. Tại Đông Anh, giá vịt ổn định quanh mức 33-34.000 đồng/kg, tiêu thụ vịt vẫn khá trầm lắng.

- Tại miền Nam, nhu cầu tiêu thụ vịt rất yếu nhưng do nguồn cung nội vùng giảm mạnh hỗ trợ giá vịt giữ ổn định quanh mức 29-35.000 đồng/kg. Mặc dù giá vịt thịt đã tăng mạnh so với tuần trước nhưng với mức này nhiều khu vực chăn nuôi vẫn chịu lỗ, cộng với yếu tố như dịch bệnh, giá cám cao làm nản lòng người chăn nuôi, lực tái đàn chưa thể phục hồi.

Bảng 7. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)

Vùng/miền	12/08/2021	11/08/2021	Tuần trước
Miền Bắc – Vịt Super	33.000-34.000	30.000-33.000	30.000-34.000
Miền Nam – Vịt Grimaud	29.000-35.000	29.000-35.000	20.000-29.000

Bảng 8. Bảng giá vịt giống DOC (đồng/con)

Khu vực	Vùng/miền	12/08/2021	11/08/2021
Miền Bắc	DOC- Vịt Super	11.000-12.000	11.000-12.000
	DOC- Vịt Grimaud	11.000-12.000	11.000-12.000
	DOC- Vịt bầu cánh trắng	7.000	7.000
Miền Nam	DOC- Vịt Grimaud	6.000-7.000	6.000-7.000

Giao dịch gà tại các chợ đầu mối lớn

- Tại chợ đầu mối Hà Vỹ, lượng gà công nghiệp non đổ về chợ hôm nay tăng lên, đạt khoảng 2.500-3.000 con, chợ tiêu thụ chậm, nhiều gian hàng vẫn chưa mở trở lại. Giá gà nhập về chợ hôm nay (mua xô) giảm nhẹ, đạt quanh mức 29-30.000 đồng/kg, theo đó giá bán ra được 29-30.000 đồng/kg với gà mái và đạt khoảng 34-35.000 đồng/kg với gà trống.

- Với giao dịch gà màu, lượng gà về chợ giảm mạnh còn 4.000 con vào hôm nay do tiêu thụ gà màu từ đầu tuần này rất trầm. Trong đó, giá gà màu Dabaco đổ về chợ giảm còn 48-50.000 đồng/kg, giá bán ra khoảng 52-55.000 đồng/kg. Giá gà Japfa nhập về ổn định mức 48-49.000 đồng/kg, bán ra được 54-55.000 đồng/kg.

Bảng 9. Bảng giá gà mua vào và bán ra tại chợ đầu mối Hà Vỹ (đồng/kg)

Loại gà	Giao dịch	12/08/2021	11/08/2021
Gà công nghiệp non	Mua vào	29.000-30.000	30.000
	Bán ra	29.000-35.000	29.000-35.000
Gà màu Dabaco	Mua vào	48.000-50.000	50.000-52.000
	Bán ra	52.000-55.000	55.000-57.000
Gà Japfa	Mua vào	48.000-49.000	48.000-49.000
	Bán ra	54.000-55.000	54.000-55.000